

PHƯƠNG ÁN

Dự kiến đặt tên đường, tên phố trên địa bàn thị trấn Kiến Xương, huyện Kiến Xương

STT	Mô tả hiện trạng	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Điểm đầu	Điểm cuối	Dự kiến đặt tên đường, phố	Thuyết minh
I.	Tuyến đường: 09 tuyến						
1	Tuyến đường 458, Quốc lộ 37B	5.030	13	Bắt đầu vào địa phận thị trấn Kiến Xương (trạm BOT).	Hết địa phận thị trấn Kiến Xương (giáp xã An Ninh, huyện Tiền Hải)	Đường Trần Nhân Tông	Trần Nhân Tông (1258-1308): Tên húy là Trần Khâm. Ông là con đầu của vua Trần Thánh Tông và là vua thứ 3 của triều Trần. Trong thời gian ông làm vua (từ năm 1279-1293), nước Đại Việt bị quân Nguyên Mông xâm lược lần thứ 2 (1285) và lần thứ 3 (1288). Trần Nhân Tông trở thành ngọn cờ tiêu biểu lãnh đạo nhân dân vượt qua khó khăn gian khổ đưa cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông đến thắng lợi huy hoàng. Ông vừa là nhà chiến lược tài giỏi, vừa là vị tướng cầm quân dũng cảm ngoài chiến trường. Ông còn là một triết gia lớn, đứng đầu phái Thiền Trúc Lâm Yên Tử; một thi sĩ tài hoa, tác giả hai câu thơ bát hủ viết tại Long Hưng, bên lăng Trần Thái Tông, lúc làm lễ dâng tù binh mừng chiến thắng, ngày 1/4/1288: <i>Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã/Sơn hà thiên cổ điện kim âu.</i>
2	Đường tránh	4.060	14	Bắt đầu vào địa phận thị	Giao cắt Quốc	Đường	Trần Hưng Đạo (1226-1300): Tên thật là Trần Quốc Tuấn, tước Hưng Đạo Vương, con An Sinh Vương Trần Liễu và là cháu gọi vua Trần Thái Tông là chú ruột. Ông sinh tại ấp A Sào, nay

	phía Bắc thị trấn Kiến Xương			trấn Kiến Xương (trạm BOT).	lộ 37B (ngã 3 bùng binh xã An Bội cũ)	Trần Hưng Đạo	thuộc xã An Thái, huyện Quỳnh Phụ. Năm 1258, quân Mông Cổ xâm lược nước ta lần thứ nhất, ông chỉ huy quân đội đánh chặn giặc ở Hưng Hóa. Năm 1283, được phong quốc công Tiết chế, tổng chỉ huy quân đội nhà Trần. Trong hai cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông xâm lược lần thứ hai (1285) và lần thứ ba (1288), ông từng về xây dựng cứ địa Lưu Đôn – cung Trần vương dã ngoại ở hạ lưu sông Hóa và sông Thái Bình, thường có mặt ở lộ Long Hưng, lộ Kiến Xương, để đánh giặc, rồi từ cứ địa Lưu Đôn đưa quân ra đánh thắng trận Bạch Đằng, kết thúc thắng lợi 3 cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông trong tk.XIII. Ông mất ngày 5/9/1300, tại Vạn Kiếp. Ông là tác giả của Hịch tướng sĩ, một áng “thiên cổ hùng văn” và hai tác phẩm quân sự là Binh thư yếu lược và Vạn Kiếp tông bí truyền thư.
3	Đường tránh phía Bắc thị trấn Kiến Xương đi xã Quang Trung	2.170	9	Giao cắt với đường tránh phía Bắc thị trấn Kiến Xương.	Giáp xã Quang Trung	Đường Nguyễn Du	Nguyễn Du (1766-1820): Đại thi hào dân tộc, tên tự là Tố Như, hiệu Thanh Hiên. Quê ở làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, xuất thân trong một gia đình quý tộc lớn. Thân sinh của ông là Tiên sĩ Nguyễn Nghiễm làm Tể tướng thời Lê – Trịnh. Ông xuất thân là quý tộc nhưng lớn lên trong bối cảnh biến động lớn của đất nước; gia đình, anh em ly tán, bản thân long đong nay đây mai đó. Ông đã trực tiếp trông thấy những cảnh đau khổ của nhân dân, cảnh suy tàn của triều đình Lê – Trịnh, những chiến công vĩ đại của Quang Trung và sự phục hồi của triều Nguyễn Gia Long. Những cống hiến vĩ đại

							nhất là những văn phẩm thể hiện tâm huyết, tài năng của ông lưu lại cho nhân dân, đất nước. Các văn phẩm chữ hán có: Thanh hiên thi tập, Nam Trung tạp ngâm, Bắc hành tạp lục; chữ Nôm có Truyện Kiều là tác phẩm bất hủ, vĩ đại.
4	Đường từ giao cắt với Quốc lộ 37B qua trụ sở UBND thị trấn Kiến Xương và trường Mầm non thị trấn Kiến Xương đến cầu Hưng Long	2.390	9	Giao cắt với Quốc lộ 37B	Cầu Hưng Long	Đường Lê Quý Đôn	Lê Quý Đôn (1726–1784): Đệ nhất giáp Tiến sĩ cấp đệ Đệ nhị danh khoa Nhâm Thân niên hiệu Cảnh Hưng 13 (1752) đời Lê Hiển Tông. Xuất thân trong một gia đình khoa bảng. Ông là con cả của Tiến sĩ Lê Trọng Thứ (còn gọi là Lê Phú Thứ). Người làng Duyên Hà (nay là thôn Phú Hiếu, xã Độc Lập, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình). Từ thuở nhỏ ông đã nổi tiếng thần đồng. Năm 18 tuổi ông đỗ đầu thi Hương, năm 27 tuổi ông đỗ đầu thi Hội, rồi vào thi Đình, đỗ Bảng nhãn; được bổ chức Thị thư ở Viện Hàn lâm, ít lâu sau được bổ chức Hàm lâm thừa chỉ sung Toàn tu Quốc sử quán. Năm Bính Tý (1756) giữ chức Liêm phóng sứ ở Sơn Nam. Năm Canh Thìn (1760) làm Phó sứ đi sứ nhà Thanh. Sau được sang làm Học sỹ của Bí thư các. Năm Giáp Thân (1764), ông dâng sớ xin thiết định pháp chế, bị đưa đi làm Đốc đồng trấn Kinh Bắc, Tham chính sứ Hải Dương, rồi ông xin cáo quan về quê viết sách. Cuối năm Canh Tuất (1766) Trịnh Doanh mất, Trịnh Sâm lên thay đã phục chức cho Lê Quý Đôn. Ông liên tục được cử đi thanh sát các nơi, mỗi lần đi về ông đều dâng khái tâu bài, nêu ra những giải pháp khắc phục tình hình. Năm Tân Mão (1773), ông được cử làm Bồi tụng, Phó Đô ngự sử, Tả Thị lang Bộ Công, tước Dĩnh Thành hầu. Năm Giáp Ngọ (1774), ông đi

						khảo sát ruộng đất ở trấn Sơn Nam, thấy dân tình đói khát, ông đã dâng khai nêu sáu việc trong đó có việc cứu đói, giảm thuế, giảm bắt phu. Năm 1776, làm Hiệp trấn Tham tán quân cơ ở vùng Thuận Hóa,... Tuy bận rộn với công việc của một ông quan, nhưng Lê Quý Đôn vẫn không quên sưu tầm tài liệu để viết sách. Lê Quý Đôn đã viết hơn 50 bộ sách, gồm hằng trăm quyển về nhiều lĩnh vực từ văn thơ, địa lý, thiên văn, triết học, y học, xã hội học, kinh tế học, chính trị học... Ngày nay, có hàng chục viện nghiên cứu khoa học phải tìm đến các tác phẩm của ông và đều thừa nhận ông là nhà bác học trong lĩnh vực nghiên cứu của mình.
5	Đường từ Xí nghiệp gạch Sông Hồng đi xã Quang Minh	1.440	5.5	Giao cắt với Quốc lộ 37B (Xí nghiệp gạch Sông Hồng)	Giáp xã Quang Minh	Đường Nguyễn Đức Cảnh Nguyễn Đức Cảnh (1908-1932): Quê làng Diêm Điền, tổng Hồ Đội, huyện Thụy Anh (nay là thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy). Sinh trưởng trong gia đình nhà Nho nghèo. Cha đỗ cử nhân thời Nguyễn. Ông đã tham gia tổ chức lễ truy điệu cụ Phan Chu Trinh, đòi ân xá cụ Phan Bội Châu. Năm 1927, tham gia nhóm Nam đồng thư xã, được cử sang Trung Quốc gặp Tổng bộ Hội VNCOMTN để thống nhất hành động chống Pháp. Tại đây ông gặp Nguyễn Ái Quốc và chuyển hướng hoạt động theo hệ tư tưởng Mác- Lê nin. Tháng 6/1929 tham gia sáng lập Đông Dương cộng sản Đảng và thành lập Tổng công hội Bắc kì (tiền thân của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam ngày nay). Ngày 03/02/1930, được cử làm Bí thư đầu tiên của đảng bộ thành phố Hải Phòng. Nguyễn Đức Cảnh là một trong những người sớm thực hiện “vô sản hóa”. Cuối năm 1930 ông được cử

							vào Trung kì, được bầu vào Thường vụ Xứ ủy, năm 1931, bị bắt ở Vinh. Ngày 31/7/1932 thực dân Pháp đã xử chém ông tại Hải Phòng.
6	Đường từ tổ dân phố Cộng Hòa đi xã Quang Bình	1.430	5	Giao cắt đường 458 (nhà ông Hoàng Hữu Hạnh, tổ dân phố Cộng Hòa)	Giáp xã Quang Bình	Đường Võ Nguyên Giáp	Võ Nguyên Giáp (1911-2013): Nhà hoạt động nổi tiếng của Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam, nhà chỉ huy và lý luận quân sự xuất sắc của Việt Nam. Quê ở xã Lộc Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Ông hoạt động cách mạng từ sớm: tham gia lãnh đạo phong trào học sinh ở Huế (1925) và tham gia Tân Việt Cách mạng Đảng. Năm 1930, ông bị thực dân Pháp bắt, đưa về quê quản thúc. Sau đó ra Hà Nội, ông tham gia hoạt động trong phong trào Mặt trận Dân chủ; tham gia sáng lập báo "Lao động", "Tiếng nói chúng ta"; biên tập báo "Tin tức", "Dân chúng". Ông là Chủ tịch Ủy ban Báo chí Bắc Kỳ trong phong trào Đông Dương đại hội. Năm 1940, ông gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương. Năm 1941, ông gây dựng cơ sở cách mạng, tổ chức Việt Minh ở Cao Bằng; tổ chức Ban xung phong Nam tiến (1942). Ngày 22/12/1944, ông được lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc giao tổ chức Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân; chỉ huy đội đánh thắng hai trận đầu ở Phai Khắt (25/12/1944) và Nà Ngần (26/12/1944). Tháng 8/1945, ông là Ủy viên Ủy ban Quân sự Cách mạng Bắc kỳ; Tư lệnh Việt Nam Giải phóng quân; Ủy viên Ban Chỉ huy Lâm thời khu giải phóng Việt Bắc; tham gia Ủy ban Khởi nghĩa Toàn quốc; Ủy viên Ủy ban Dân tộc Giải phóng Việt Nam. Năm 1946, ông là Phó Trưởng đoàn Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đàm phán với Pháp tại Hội nghị trù bị Đà Lạt. Ông còn là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng các khóa II - VI; Ủy viên Bộ Chính trị các khóa II - IV; Bí thư

							<p>Tổng Quân ủy, sau này là Quân ủy Trung ương. Từ năm 1946 - 1947, ông là Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Năm 1948 - 1975, ông là Đại tướng, Tổng chỉ huy Quân đội Quốc gia và Dân quân Việt Nam; Tổng Tư lệnh Quân đội Nhân dân Việt Nam. Trong kháng chiến chống Pháp, ông trực tiếp chỉ huy các chiến dịch lớn, đặc biệt là Chiến dịch Điện Biên Phủ (1954). Trong kháng chiến chống Mỹ, ông chỉ đạo nhiều chiến dịch lớn, đặc biệt là Chiến dịch Hồ Chí Minh (1975). Từ năm 1955 - 1980: ông là Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (1981 - 1991); đại biểu Quốc hội các khóa I - VII. Ông được trao tặng: Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh</p>
7	Đường từ ngã 3 cầu Cam đi Trường bản	1.530	5	Giao cắt Quốc lộ 37B (ngã 3 cầu Cam)	Trường bản	Đường Võ Thị Sáu	<p>Võ Thị Sáu (1935-1952): Tên thật Nguyễn Thị Sáu, quê ở làng Đất Đỏ, tỉnh Đồng Nai. Mới 12 tuổi chị Sáu đã được người anh trai giác ngộ cách mạng, rồi theo anh trốn lên chiến khu. 14 tuổi, nhận nhiệm vụ, chị trở về hoạt động tại quê nhà. Sau đó, chị ở lại Bà Rịa điều tra tình hình địch và liên lạc, tiếp tế cho chiến khu. Năm 1950, chị mang lựu đạn về làng giết Cai tổng Tòng, tên tay sai đại gian ác của địch trong vùng và bị giặc Pháp bắt. Gần 3 năm, chúng đã giam giữ chị hết nhà tù này đến nhà tù khác, cùm kẹp, tra tấn dã man, trước sau chị vẫn kiên gan chịu đựng, không để lộ bí mật cách mạng. Cuối cùng kẻ thù đã xử bắn chị tại Côn Đảo. Chị được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang.</p>
	Đường Quốc			Giao cắt Quốc			<p>Phạm Văn Đồng (1906-2000): Bí danh Tô. Quê ở xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Ông tham gia phong trào học sinh bãi khóa để tang cụ Phan Châu Trinh (1925). Năm 1926, ông sang Quảng Châu dự lớp huấn luyện cách mạng do Nguyễn Ái Quốc tổ chức và gia nhập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Đến năm 1929, ông được</p>

8	phòng	1.290	5	lộ 37B (ngã 3 bùng binh)	Giáp sông Kiến Giang	Đường Phạm Văn Đông	cử vào Kì bộ Thanh niên Nam Kì, rồi vào Tổng bộ Hội Việt Nam Thanh niên. Bị bắt, tháng 7/1936 được trả tự do. Sau Cách mạng tháng Tám, ông lần lượt giữ các chức vụ: Bộ trưởng Bộ Tài chính, là Trưởng phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Hội nghị Fontainebleau (Pháp). Đặc phái viên của Trung ương Đảng và Chính phủ tại Nam Trung Bộ, Phó Thủ tướng (1949), trưởng phái đoàn Chính phủ dự Hội nghị Genève về Đông Dương. Thủ tướng chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1955-1976), Thủ tướng nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (1976-1987). Ông được tặng thưởng Huân chương Sao Vàng và nhiều Huân chương khác của Liên Xô, Lào, Campuchia, Cuba. Ông là người học trò gần gũi, xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, một lãnh đạo có uy tín của Đảng và Nhà nước ta, nhà văn hóa lỗi lạc, có nhiều đóng góp trên các lĩnh vực chính trị, đối ngoại, giáo dục, lí luận.
---	-------	-------	---	-----------------------------	-------------------------	--------------------------------	--

9	Đường từ giao cắt Quốc lộ 37B đi xã Thượng Hiền	1.100	5	Giao cắt Quốc lộ 37B (cổng sông Hòa Bình)	Giáp xã Thượng Hiền	<p style="text-align: center;">Đường Trường Chinh</p>	<p>Trường Chinh (1907-1988): Tên thật là Đặng Xuân Khu, quê ở làng Hành Thiện, xã Xuân Hồng, huyện Xuân Thủy, tỉnh Nam Định. Sinh ra trong một gia đình trí thức yêu nước ở một vùng quê giàu truyền thống lịch sử và văn hoá, truyền thống của quê hương và gia đình đã bồi đắp và hun đúc nên lý tưởng cách mạng của ông. Sau khi tìm hiểu “Đường Kách mệnh” và các tác phẩm khác của Nguyễn Ái Quốc, ông đã đến với chủ nghĩa Mác - Lê-nin; từ một người yêu nước ông trở thành người cộng sản. Năm 1925, ông tham gia cuộc vận động đòi thực dân Pháp ân xá cho nhà yêu nước Phan Bội Châu; năm 1926, là một trong những người lãnh đạo cuộc bãi khoá để truy điệu nhà yêu nước Phan Chu Trinh. Sau cuộc bãi khoá này, ông bị thực dân Pháp đuổi học, phải lên Hà Nội tiếp tục học ở trường Cao đẳng Thương mại đến cuối năm 1929. Năm 1927, ông gia nhập Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội, một tổ chức tiền thân của Đảng cộng sản Đông Dương. Năm 1929, ông tham gia cuộc vận động thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương ở Bắc Kỳ. Năm 1930, ông được chỉ định vào Ban Tuyên truyền cổ động Trung ương của Đảng Cộng sản Đông Dương. Cuối năm đó ông bị thực dân Pháp bắt và kết án 12 năm tù cấm cố, đày đi Sơn La. Năm 1941, tại Hội nghị lần thứ 8 của Trung ương Đảng, ông được bầu làm Tổng Bí thư Ban chấp hành Trung ương, Trưởng Ban Tuyên huấn, kiêm chủ bút báo “Cờ giải phóng” và “Tạp chí Cộng sản” cơ quan Trung ương của Đảng, Trưởng Ban Công vận Trung ương. Năm 1943, ông bị Toà án Binh của thực dân Pháp ở Hà Nội kết án tử hình vắng mặt. Năm 1951, tại Đại hội II của Đảng, ông được tái cử vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, là Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng</p>
---	---	-------	---	---	---------------------	--	--

							<p>Lao động Việt Nam. Năm 1958, ông làm Phó Thủ tướng Chính phủ, kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Nhà nước. Năm 1960, tại Đại hội III của Đảng, ông được tái cử vào Ban Chấp hành Trung ương và Ủy viên Bộ Chính trị phụ trách công tác Quốc Hội và công tác tư tưởng của Đảng. Ông là đại biểu Quốc hội các khoá: khoá II (1960-1964), khoá III (1964-1971), khoá IV (1971-1975), khoá V (1975-1976), khoá VI (1976-1981), khoá VII (1981-1987). Từ khoá II đến khoá VI, đồng chí làm Chủ tịch ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tháng 7/1986, tại Hội nghị đặc biệt của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, đồng chí được bầu lại làm Tổng Bí thư. Ông được tặng thưởng Huân chương Sao Vàng và nhiều huân chương cao quý khác của Xô Viết, Lào, Campuchia, Đức, Mông Cổ, Bungari, Hungari, Tiệp Khắc.</p> <p>Cuốn Trường Chinh, Tiểu sử, NXB Chính trị Quốc gia năm 2007.</p>
II	Tuyến phố: 18 tuyến						
1	Đường trong tổ dân phố Cộng Hòa ra đường tránh phía Bắc	600	5,5	Giao cắt đường 458 (nhà ông Vũ Anh Thao, tổ dân phố Cộng Hòa)	Nút giao đường tránh phía Bắc (nhà ông Trương Khắc Thao, tổ dân phố Tân Tiến)	Phố Nguyễn Thị Chiên	<p>Nguyễn Thị Chiên (1930-2016): Trung tá, nữ Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân đầu tiên của Quân đội Nhân dân Việt Nam được tuyên dương ngày 19/5/1952. Quê làng Thanh Nê, huyện Kiến Xương (nay là thị trấn Thanh Nê). Đảng viên ĐCSVN. Năm 1946-1950: Giữ các cương vị từ tiểu đội trưởng, đến trung đội trưởng nữ du kích. Bà đã tiêu diệt, làm bị thương và bắt 15 quân địch. Tháng 10/1951, chỉ huy đội nữ du lịch phối hợp cùng với bộ đội phục kích đánh địch trên đường 39. Tháng 12/1951, trung đội nữ du kích của chị phối hợp với bộ đội chống càn.</p>

							Lợi dụng lúc địch sơ hở, chị cùng đồng đội bất ngờ xông ra hô lớn, buộc 4 tên địch chịu cho chị em bắt sống (có một quan hai). Tháng 1/1952, tham gia đánh đồn An Bồi, bắt sống 6 tên, trong đó có tên đồn trưởng. Được tặng thưởng 1 Huân chương Quân công hạng ba, 1 Huân chương Kháng chiến hạng Nhất và được Bác Hồ tặng khẩu súng ngắn của Người.
2	Đường trong tổ dân phố Cộng Hòa	650	5,2	Giao cắt đường 458 (nhà ông Vũ Đức Lĩnh, tổ dân phố Cộng Hòa)	Giao cắt đường tránh phía Bắc	Phó Nguyễn Văn Vực	Nguyễn Văn Vực (1909-1952): Bí thư Tỉnh ủy Thái Bình từ năm 1937-1940, quê làng Kênh Sơn (nay thuộc xã Minh Hưng, huyện Kiến Xương). Vì sinh ra trong gia đình giàu có, nên tuổi thiếu niên, ông may mắn được cấp sách đến trường. Nhờ siêng năng, chăm chỉ và có ý chí, thích tìm tòi những cái mới, cái tiến bộ nên ông học giỏi. Sau khi đỗ Sơ học yếu lược, ông được cha quyết định gửi lên trọ học ở thị xã Thái Bình. Đầu năm 1926, quê hương ông có phong trào bí mật sưu tầm, truyền bá thơ ca yêu nước, vận động xuất dương tìm đường cứu nước. Những phong trào trên có ảnh hưởng rất lớn đối với ông. Tiếp đó, ông tham gia sôi nổi phong trào đòi ân xá cụ Phan Bội Châu và để tang cụ Phan Chu Trinh. Năm 1927, ông quyết định thôi học ở thị xã Thái Bình trở về quê, được Nguyễn Việt (bạn học cũ, sớm được giác ngộ cách mạng) giới thiệu vào Hội VNCOMTN. Tháng 7 năm 1929, ông được kết nạp vào ĐCS, đã cùng chi bộ Đảng lãnh đạo quần chúng đấu tranh ủng hộ công nhân dệt may Nam Định (4/1930), vận động nông dân đòi vay thóc cứu đói, tố cáo tội ác của giặc Pháp và bọn tay sai. Tháng 3/1931, ông bị địch bắt và quản thúc tại nhà. Tại quê nhà, ông đã mở trường dạy học để tiếp tục hoạt

							<p>động. Tháng 7/1937, tại Hội nghị toàn tỉnh ở Vũ Lăng, ông được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy. Từ đó, Thái Bình trở thành tỉnh có phong trào nông thôn mạnh nhất ở Bắc Kỳ. Tháng 4/1940, ông bị địch bắt đưa sang sở mật thám Nam Định, bị kết án 20 năm khổ sai, giam ở Hỏa Lò, Sơn La, rồi Côn Đảo. Cuối tháng 8/1945 ông được đón về Nam bộ. Tháng 10/1945, ông được chỉ định làm Bí thư Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Sóc Trăng. Năm 1946 làm Bí thư Khu ủy khu 9. Năm 1950 là Trưởng ban Nông vận miền Nam. Ông mất ngày 15/8/1952.</p>
3	Trước cửa Huyện ủy, HĐND, UBND huyện	570	6,5	Giao cắt đường 458 (Trụ sở Công an huyện)	Trung tâm GDNN-GDTX huyện	Phó Phạm Quang Lịch	<p>Phạm Quang Lịch (1901-1937): Bí thư Tỉnh ủy Thái Bình, quê ở làng Nam Huân, nay thuộc xã Đình Phùng huyện Kiến Xương. Xuất thân trong một gia đình địa chủ. Từ năm 1927-1929, ông tham gia hội VNCOMTN, tháng 7/1929 trở thành đảng viên Đảng Cộng sản, nhiều lần bán ruộng, bán vàng để lấy tiền hoạt động cách mạng. Năm 1930, trong cuộc đấu tranh đòi vay thóc cứu đói, chi bộ Đảng Nam Huân đã vạch kế hoạch chỉ đạo đấu tranh rất sát sao và đã giành nhiều thắng lợi. Sau cuộc biểu tình ở Tiên Hải, ông bị địch bắt, bị kết án 20 năm khổ sai, giam tại Hỏa Lò, Hà Nội. Đêm 25/12/1932, ông vượt ngục Hỏa Lò về Thái Bình. Đầu năm 1933, Ban Tỉnh ủy Lâm thời được thành lập, Phạm Quang Lịch được bầu giữ chức Bí thư. Tháng 11/1933, ông lại bị bắt, bị kết án 20 khổ sai và đày lên Sơn La. Do bị đánh đập tra khảo tàn nhẫn ông ho ra máu và qua đời ở nhà tù Sơn La.</p>

4	Đường trong tổ dân phố Quang Trung	500	5	Giao cắt Quốc lộ 37B (nhà ông Trương Đình Khiêu, tổ dân phố Quang Trung)	Đường gom, Khu đô thị Quang Trung	Phó Nguyễn Khang	Nguyễn Khang (1919-1976): Ủy viên BCHTU Đảng khóa II, III. Quê thôn Nguyên Kinh, xã Minh Hưng, huyện Kiến Xương, năm 1937-1938 công tác trong cơ quan án soát bí mật của xứ ủy Bắc kỳ tại Kiến Xương. Năm 1939, hoạt động ở Hà Nội, phụ trách đoàn thanh niên phản đế liên tỉnh Hà Nội – Hà Đông- Sơn Tây - Bắc Ninh, thường vụ Thành ủy Hà Nội. Năm 1941, bị Pháp bắt, kết án 5 năm tù và 10 năm khổ sai, đầy đi nhà tù Sơn La. Năm 1944, vượt ngục về tham gia Thường vụ Xứ ủy Bắc kỳ kiêm Bí thư Hà Nội. Là chủ tịch ủy ban khởi nghĩa Hà Nội trong cách mạng tháng Tám năm 1945. Trong kháng chiến chống Pháp giữ nhiều trọng trách: Bí thư Liên khu ủy Việt Bắc, Chánh văn phòng Trung ương Đảng. Sau năm 1945, là Đại sứ Việt Nam tại Trung Quốc, Mông Cổ, rồi Bộ trưởng Phủ Thủ tướng. Đại biểu Quốc hội tỉnh Thái Bình khóa II (1960-1964). Ông được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất.
5	Đường trong Tổ dân phố Giang Đông	530	6	Giao cắt Quốc lộ 37B (cây xăng số 15, tổ dân phố Giang Đông)	Nhà ông Trần Huy Quân (tổ dân phố Giang Đông)	Phó Đặng Tiên Lợi	Đặng Tiên Lợi (1953-1972): Anh hùng LLVTND, được truy tặng ngày 20/12/1973, quê thôn Lai Vi, xã Quang Minh, huyện Kiến Xương, Đảng viên ĐCSVN, Trung đội phó Đặc công, đại đội 2, tiểu đoàn 471, Quân khu 5. Năm 1972, chiến đấu ở Quảng Nam - Đà Nẵng, đánh 4 trận, chỉ huy tổ phá sập 3 cầu lớn (dài trên 100 mét), 1 khu trung tâm radar, diệt 20 tên địch. Riêng đồng chí phá sập 2 cầu, đó là cầu Liên Chiểu (Hoà Vang) dài hơn 100 m, trên đường số I (đoạn Đà Nẵng đi đèo Hải Vân). Đã hai lần đánh cầu Thủy Tú. Để đánh khu trung tâm radar

							của địch ở bán đảo Sơn Trà (Đà Nẵng), ông đã gần 1 tháng ăn gạo rang, bằm địch, nắm chắc cách bố phòng và quy luật hoạt động của địch. Khi xuất quân, ra tới biển không may gặp bão, tổ phải đợi 4 ngày sau mới tiếp tục vào được Sơn Trà, đặt mìn phá hỏng nặng khu trung tâm ra-đa của địch trong tháng 8 năm 1972. Hy sinh trong trận đánh cầu Thủy Tú lần thứ hai (8/11/1972). Được tặng thưởng 2 Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhì.
6	Đường trong tổ dân phố Giang Đông ra đường tránh phía Bắc	520	5	Giao cắt Quốc lộ 37B (nhà ông Trần Văn Hữu, tổ dân phố Giang Đông)	Giao cắt đường tránh phía Bắc	Phó Phạm Ngọc Mậu	Phạm Ngọc Mậu (1919–1993): Thượng tướng, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị QĐNDVN. Tên khai sinh là Phạm Ngọc Quyết, quê ở xã Thượng Hiền, tham gia cách mạng năm 1938, nhập ngũ năm 1945. Đảng viên Đảng cộng sản Đông Dương (1939). Tháng 9/1940, bị thực dân Pháp bắt kết án 10 năm tù khổ sai, đày đi Sơn La. Tháng 3/1945, vượt ngục hoạt động ở Sơn Tây, được chỉ định vào Ban cán sự tỉnh. Tháng 8/1945 tham gia lãnh đạo khởi nghĩa ở Sơn Tây; Phó chủ tịch kiêm Ủy viên Quân sự tỉnh Sơn Tây; Khu phó Khu II. Từ tháng 12/1946 đến năm 1949 làm Chính ủy Khu I, Trung đoàn 121, Trung đoàn 246 bảo vệ căn cứ địa Trung ương. Từ tháng 5/1951 đến năm 1952, Phó chính ủy rồi Chính ủy Đại đoàn 351. Tháng 7/1954 Chính ủy, Bí thư Đảng ủy Đại đoàn 351. Năm 1955 là chủ nhiệm Chính trị, Phó Chính ủy, Chính ủy Bộ tư lệnh pháo binh. Từ tháng 4/1956 đến năm 1957, Cục trưởng Cục cán bộ Bộ tổng Tham mưu, Cục Điều động - đề bạt Tổng cục Cán bộ. Năm 1959, Cục trưởng Cục tổ chức Tổng cục Chính Trị. Những năm 1961-1988, là Phó chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, đại biểu Quốc hội khóa III, V. Huân chương Hồ Chí Minh, 2 huân chương Quân công hạng Nhất, 1 huân chương Quân công

							hạng Ba, Huân chương chiến thắng hạng Nhất, Huân chương kháng chiến hạng Nhất...
7	Đường trong tổ dân phố Giang Đông	510	4,2	Giao cắt Quốc lộ 37B (nhà ông Vũ Văn An, tổ dân phố Giang Đông)	Giao cắt đường tránh phía Bắc	Phó Nguyễn Thị Hồng Đính	Nguyễn Thị Hồng Đính (1887-1951): Quê làng Động Trung (nay là xã Vũ Trung, huyện Kiến Xương). Là con gái nhà yêu nước Nguyễn Hữu Cương, con dâu Lương Văn Cam và là vợ của Lương Ngọc Quyến - thủ lĩnh tinh thần của khởi nghĩa Thái Nguyên (tháng 8/1917). Sinh ra trong một gia đình Nho giáo yêu nước, Nguyễn Thị Hồng Đính được nuôi dạy chu đáo, trở thành người đàn bà tài hoa cả cầm kỳ thi họa. Bà là một trong những người đi đầu phong trào duy tân, cắt tóc ngắn, để răng trắng... những năm đầu thế kỷ XX. Khi có phong trào Đông Du, bà đã có ý định xuất dương, nhưng chưa thực hiện được thì phong trào đã bị dập tắt. Trong các năm 1912-1913, bà đã rong ruổi cùng chồng từ Đông Hưng đến Thượng Hải, Hương Cảng ... Năm 1913 Lương Văn Cam bị Pháp bắt đầy biệt xứ 10 năm tại Nam Vang (Campuchia). Năm 1914, bà phải cùng các con phải trở về Nam Vang chăm nom bố chồng. Tại Nam Vang, bà thuê nhà mở cửa hiệu “Hưng Thanh” vừa kinh doanh vừa là nơi gặp gỡ các sỹ phu yêu nước của Việt Nam trong đó có cả cụ Nguyễn Sinh Sắc thân phụ Chủ tịch Hồ Chí Minh. Năm 1931, Nguyễn Thị Hồng Đính rời Nam Vang về Hà Nội lại tiếp tục ủng hộ phong trào do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo. Năm 1944, bà rời Hà Nội về quê hương, nhà bà lại là nơi đi lại của các thành viên mặt trận Việt Minh, nơi họp mặt hoạch định kế hoạch cướp chính quyền ở phủ Kiến Xương (tháng

							8/1945). Kháng chiến bùng nổ bà đi đầu phong trào Tuần lễ vàng đỡ đầu và chăm sóc thương binh. Bà được nhận định là người phụ nữ yêu nước nồng nàn, sắt son, chung thủy.
8	Đường trong tổ dân phố Tân Hưng	1.100	5,5	Giao cắt đường tránh phía Bắc (nhà ông Nguyễn Công Trứ, tổ dân phố Tân Hưng)	Nhà ông Nguyễn Ngọc Ý (tổ dân phố Tân Hưng)	Phó Nguyễn Công Thu	Nguyễn Công Thu (1894-1976): Quê xã Vũ Trung, huyện Kiến Xương. Là cháu nội nhà yêu nước Nguyễn Mậu Kiến, con trai thứ ba của tú tài Nguyễn Hữu Đàm, em rể vai với Nguyễn Công Viễn. Năm 1925, Nguyễn Danh Tề, Nguyễn Danh Thọ tìm đường sang Quảng Châu (Trung Quốc) dự lớp tập huấn luyện cách mạng do Hội VNCOMTN tổ chức. Học xong, ông được Nguyễn Ái Quốc giao nhiệm vụ tìm đường liên lạc để chuyển vận sách báo, tài liệu về nước và đưa người tiếp tục sang Quảng Châu dự học. Về đến Hà Nội, cuối 1926 Nguyễn Công Thu thành lập một chi hội VNCOMTN tại một địa điểm ở Dịch Vọng (nay thuộc quận Cầu Giấy, Hà Nội) gồm 11 hội viên do Nguyễn Xuân Thu làm Bí thư. Đầu 1927, Kỳ bộ thanh niên Bắc kỳ được thành lập, gồm 5 người, trong đó có 3 người là hội viên đầu tiên của chi hội Hà Nội là Nguyễn Danh Đới, Mai Lập Đôn và Nguyễn Công Thu. Cùng với việc gây cơ sở, Nguyễn Công Thu vẫn tiếp tục làm nhiệm vụ giao thông do Nguyễn Ái Quốc giao. Trong số khoảng 200 thanh niên được Nguyễn Công Thu dẫn đường sang Quảng Châu dự các lớp huấn luyện có một số sau này trở thành cán bộ xuất sắc của Đảng như Nguyễn Đức Cảnh, Phạm Văn Đồng, Ngô Gia Tự, Nguyễn Danh Đới... và trong số tài liệu do ông mang về có cuốn

						<p>“Đường Kách Mệnh” của Nguyễn Ái Quốc. Đầu năm 1928, khi cùng với Đặng Châu Tuệ phân phát truyền đơn, ông bị bắt và lãnh án 19 tháng tù giam tại Hải Dương. Hết hạn tù ông vào Thanh Hóa hoạt động, lại bị mật thám bắt, kết án 27 tháng tù vì tội “dụ người đi tàu”. Cuối 1930 ra tù, được giới thiệu về hoạt động ở Thái Bình. Sau 1945, được huyện ủy Kiến Xương cử làm Trưởng ban Kinh doanh của Ủy ban di cư tản cư; Hội trưởng Hội Liên Việt; Hội trưởng Hội giúp đỡ binh sỹ bị nạn huyện Kiến Xương. Từ đầu năm 1950, thực dân Pháp đánh chiếm Thái Bình, Tỉnh ủy chủ trương đưa một số cán bộ cao tuổi ra vùng tự do Thanh Hóa. Cuối 1955 ông trở về Thái Bình giữa lúc đang tiến hành cải cách ruộng đất, bị quy sai là Quốc dân đảng, đã lãnh án tử hình, sau được hạ xuống 10 năm tù giam, rồi được sửa sai, sau đó được bố trí công tác ở nhà khách của Bộ Ngoại giao, rồi nhà khách của Phủ Thủ tướng cho đến ngày mất.</p>
9	Đường trong tổ dân phố An Đông	1.250	5,2	Giao cắt Quốc lộ 37B (Nhà ông Trần Xuân Biên, tổ dân phố An Đông)	Giáp sông Kiến Giang	<p>Phó Đình La Cầu</p> <p>Đình La Cầu (1944-1969): Anh hùng LLVTND, quê xã Vũ Lễ, huyện Kiến Xương. Khi được phong anh hùng (28/4/2000), là Đảng viên ĐCSVN, Trung đội trưởng công binh tiểu đoàn 368, tỉnh Bình Long, nay là tỉnh Bình Phước. Nhập ngũ năm 20 tuổi, vào Nam chiến đấu. Đã tham gia trên 130 trận đánh lớn, nhỏ, phá hủy trên 20 xe tăng, xe thiết giáp, xe quân sự; diệt 150 tên ác ôn, bảo an Mỹ - nguy; 1 kho xăng dầu, 2 máy bay của địch, thu 50 súng các loại. Năm mới nhập ngũ, trong hoàn cảnh khó khăn, đơn vị phải tự cấp, tự túc, Đình La Cầu năng nổ, lao động tăng</p>

							gia sản xuất, lời cuốn nhiều anh em khác. Có khi đi công tác, suốt 5 ngày nhường cơm cho đồng đội ăn. Đánh địch một cách thông minh, có một số trận đặc biệt xuất sắc. Được tặng thưởng 2 Huân chương Chiến công hạng ba.
10	Đường từ tổ dân phố An Đông ra Trạm Rada C25	1.250	4,5	Giao cắt Quốc lộ 37B (Nhà ông Hà Văn Huynh, tổ dân phố An Đông)	Trạm Rada C25 (tổ dân phố An Đoài)	Phó An Bồi	An Bồi: (Địa danh cổ) An Bồi. xã cũ, đầu thế kỷ XIX thuộc tổng An Bồi, huyện Chân Định, Phủ Kiến Xương, trấn Sơn Nam Hạ. Sau năm 1945 là một trong 2 thôn thuộc xã Tán Thuật, huyện Kiến Xương; Năm 1955, Tán Thuật chia thành hai xã Tán Thuật và An Bồi. Năm 2020, xã An Bồi được sáp nhập với với thị trấn Thanh Nê thành thị trấn Kiến Xương, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.
11	Đường trong tổ dân phố Giang Đông và Minh Đức	1.350	5	Giao cắt Quốc lộ 37B (Nhà ông Vũ Trường Giang, tổ dân phố Giang Đông)	Nhà ông Nguyễn Văn Tính (tổ dân phố Minh Đức)	Phó Phan Bá Vành	Phan Bá Vành (?-1827): Thủ lĩnh phong trào khởi nghĩa nông dân thế kỉ XIX. Quê làng Minh Giám (nay là thôn Nguyệt Giám, xã Minh Tân, huyện Kiến Xương). Gốc họ Ngô, xuất thân trong một gia đình có truyền thống yêu nước, tổ là Thái úy Trương Khánh Công Ngô từ thời Lê sơ, nhưng đến đời ông thì gia sản không còn, ông trở thành người lao động cày thuê, cuốc mướn. Vẫn có sức khỏe, lại am tường võ nghệ. Đầu triều Minh Mệnh (1820–1821), ông đã nổi dậy chống ách áp bức của bọn cường hào, được đông đảo nhân dân hưởng ứng, trong hàng ngũ nghĩa quân có cả các danh sĩ, các võ tướng, con cháu quan lại thời Hậu Lê. “Đầu quân đã đến phủ Bo/Cuối quân còn ở bến đò Kênh Kem”-về dân gian. Quân khởi nghĩa hoạt động trên cả một vùng rộng gồm cả Thái Bình, Nam Định, Hải Dương, Hải Phòng ngày nay. Trận đánh ở cửa Trà

							Lý đã giết chết phò mã của vua Minh Mệnh là Lê Mận Cúc, sau lại đánh bại quân triều do Thống chế Trương Phúc Đăng chỉ huy, đến mức Trương Phúc Đăng bị cách chức, phải tự sát. Dân gian thời ấy lan truyền: “Trên trời có ông sao Tua/Ổ dưới hạ giới có vua Bá Vành”. Năm 1827, triều đình tập trung binh lực bao vây tấn công đồn, buộc nghĩa quân phải chạy về Trà Lũ (nay là thôn Mộ Đạo, xã Vũ Bình). Nghĩa quân bị tổn thất nặng, Phan Bá Vành bị bắt và bị giết, các xã Trà Lũ, Minh Giám bị triệt phá.
12	Đường từ tổ dân phố Giang Đông ra ngã ba chùa Quan Âm	750	4	Nút giao Quốc lộ 37B (nhà ông Nguyễn Văn Ớt, tổ dân phố Giang Đông)	Ngã ba chùa Quan Âm	Phó Nguyễn Danh Đới	Nguyễn Danh Đới (1905-1943): Quê xã Vũ Trung, huyện Kiến Xương. Từng học ở trường Thành Chung Nam Định. Mùa hè năm 1926, sang Quảng Châu dự lớp huấn luyện cách mạng. Cuối năm 1926, về Hà Nội hoạt động trong Kỳ bộ Thanh niên Bắc Kỳ rồi được cử làm Bí thư Kỳ bộ kiêm Bí thư Tỉnh bộ Thanh niên Hà Nội. Tháng 3/1929, bị địch bắt tại quê làng Động Trung, bị xử tù 5 năm, đày ra Côn Đảo. Tại đây, ông được tiếp xúc với các đồng chí Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng, Nguyễn Văn Cừ, Hà Huy Giáp, Bùi Lâm. Cuối năm 1932, trở về Thái Bình, tham gia Tỉnh ủy. Thời kỳ Mặt trận Dân chủ, ông tích cực tham gia hoạt động trên nhiều lĩnh vực. Tên ông xuất hiện nhiều trên các tờ báo xuất bản ở Hà Nội và Thái Bình. Trong cuộc vận động bầu cử Viện Dân biểu Bắc Kỳ năm 1938, Nguyễn Danh Đới, Bùi Văn Năng, Trần Cung... đều ở trong ban lãnh đạo đấu tranh. Tháng 7/1940, Nguyễn Danh Đới lại bị bắt đưa đi cãng Bắc Mê (Hà Giang) rồi các nhà lao Phú Thọ, Thái Nguyên. Kẻ thù đã tiêm thuốc độc làm cho ông trở thành phế nhân và chết dần trong lao tù. Con trai thứ 2 của ông là Nghệ sĩ nhân dân

							Nguyễn Trung Kiên, Nguyên Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Thông tin.
13	Đường trong tổ dân phố Giang Đông và Văn Khôi	450	5	Giao cắt Quốc lộ 37B (xưởng cơ khí Duy Phương, tổ dân phố Giang Đông)	Sân TDTT tổ dân phố Văn Khôi	Phó Nguyễn Đức Tâm	Nguyễn Đức Tâm (1920-2010): Tên khai sinh là Nguyễn Đức Khiêm, sinh tại xã Thượng Hiền, huyện Kiến Xương. Ông là một nhà hoạt động cách mạng và chính khách Việt Nam. Xuất thân trong một gia đình có truyền thống yêu nước, tham gia hoạt động cách mạng từ 1937. Năm 1938 - 1939, tham gia tổ chức thanh niên, học sinh, thanh niên phản đế. Bị địch bắt, qua các nhà tù Thái Bình, Hà Nội, Sơn La, Hòa Bình. Tháng 3/1944, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam. Tháng 3/1945, ông được ra tù và được Trung ương Đảng phân công làm Bí thư tỉnh ủy lâm thời tỉnh Thái Bình, tổ chức huấn luyện đào tạo cán bộ, chấp mới phục hồi cơ sở, thống nhất lực lượng cách mạng, chuẩn bị về mọi mặt, nhanh chóng phát động khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi trong toàn tỉnh Thái Bình. Trong Hội nghị Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh vào tháng 10/1945, ông được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy. Ông từng giữ chức: Bí thư Tỉnh ủy Bắc Cạn, Phó trưởng Ban đảng vụ Trung ương, Thứ trưởng Bộ công nghiệp nhẹ, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư trung ương Đảng, Trưởng ban Tổ chức Trung ương.... Ông được Nhà nước Việt Nam trao tặng Huân chương Sao Vàng, Huân chương Hồ Chí Minh và nhiều Huân, Huy chương khác.
							Nguyễn Mậu Kiến (1819-1879): Hiệu Kinh Đài, quê làng Động Trung (nay là xã Vũ Trung, huyện Kiến Xương). Được văn thân tỉnh Nam Định đề cử, thi đỗ

14	Đường trong tổ dân phố Quang Trung và Văn Khôi	320	5,1	Giao cắt Quốc lộ 37B (nhà bà Phạm Thị Hiều, tổ dân phố Quang Trung)	Nhà ông Nguyễn Xuân Khang (tổ dân phố Văn Khôi)	Phó Nguyễn Mậu Kiến	Chế khoa năm 1865, được ban chức danh Bác học hoành từ Đệ tam giáp đồng Cát sĩ xuất thân. Ông đã hiến hàng trăm mẫu ruộng để làm việc binh (binh điền), việc học (học điền). Năm 1868, được bổ An biên Lạng Sơn (dân gian thường gọi Án Kiến). Năm 1873, bị cách chức, về quê cùng các con Nguyễn Hữu Bản, Nguyễn Hữu Cương mộ nghĩa dũng bảo vệ thành Nam Định. Thành mất, ông cùng các con rút quân về căn cứ Động Trung. Năm 1874, triều đình Nguyễn ký hiệp ước đầu hàng Pháp, một lần nữa Nguyễn Mậu Kiến bị tước hết phẩm hàm, bắt sung làm lính ở quân thứ hai Thái Nguyên - Tuyên Quang. Năm 1877, nhờ bạn bè xin giúp ông được vua Tự Đức cử về sơn phòng tỉnh Hưng Hóa. Trong lúc cùng Nguyễn Quang Bích chuẩn bị lực lượng đối phó với âm mưu mới của thực dân Pháp, Nguyễn Mậu Kiến đã ngã bệnh và mất tại quân doanh. Công sứ Thái Bình đã phải thừa nhận: “Nguyễn Mậu Kiến là một trong những người nổi tiếng và phi thường”.
15	Đường từ chợ Nê ra cầu Thống Nhất	600	5	Giao cắt đường 458 (ngã ba chợ Nê)	Cầu Thống Nhất	Phó Thanh Nê	Thanh Nê: (Địa danh cổ) Thanh Nê. xã cũ, đầu thế kỷ XIX thuộc tổng An Bồi, huyện Chân Định, Phủ Kiến Xương, trấn Sơn Nam Hạ. Sau năm 1945 là một trong 2 thôn thuộc xã Tấn Thuật, huyện Kiến Xương; Năm 1955, Tấn Thuật chia thành hai xã Tấn Thuật và An Bồi. Năm 1988, lấy hai thôn Quang Trung và Tân Tiên của xã Tấn Thuật thành lập thị trấn Kiến Xương, huyện Kiến Xương. Năm 2002, sáp nhập xã Tấn Thuật vào thị trấn Kiến Xương, đổi tên thành thị trấn Thanh Nê,

							huyện Kiến Xương. Năm 2020, sáp nhập xã An Bồi với thị trấn Thanh Nê, đổi tên thành thị trấn Kiến Xương, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình (theo Nghị quyết số 892/2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về sắp xếp đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh Thái Bình).
16	Đường từ cầu Trạm Y tế qua tổ dân phố Đông Trung	510	7	Giao cắt Quốc lộ 37B (cầu Trạm Y tế thị trấn)	Nhà ông Vũ Văn Tiểu, tổ dân phố Đông Trung	Phó Trương Đăng Quỹ	Trương Đăng Quỹ (1732-1803): Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân khoa Bính Tuất niên hiệu Cảnh Hưng năm thứ 27 (1766) đời Lê Hiển Tông. Quê xã Thanh Nê (nay là thị trấn Thanh Nê, huyện Kiến Xương). Vốn họ Nguyễn, ở xã Quân Bác xưa cùng huyện Chân Định, làm con nuôi họ Trương nên đổi thành họ Trương. 24 tuổi đỗ đầu kỳ thi Hương. Làm quan trải qua nhiều chức vụ từ Hàn lâm viện thị chế đến Giám sát ngự sử ở nhiều sứ, Hiến sát sứ Kinh Bắc, Đốc thị Nghệ An, Thuận Quảng, Tham chính Thanh Hoá, Phó Đô Ngự sử, Nhập thị bồi tụng, Trấn thủ Sơn Nam... Khi Nguyễn Huệ ra Bắc, ông vẫn phò vua Lê. Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế, ông bỏ về quê và mất tại quê (con ông, Trương Đăng Thụ lại theo Nguyễn Huệ). Trương Đăng Quỹ còn là một người cha mẫu mực, con cái nhiều người thành đạt trong đó có nữ sỹ Trương Quỳnh Như.
17	Đường trong tổ dân phố	620	5	Cống Trạm bơm Thống	Nhà ông Nguyễn Văn	Phó	Nguyễn Hữu Bản (1841-1883): Tự là Vụ Đức, hiệu Đông Nguyên. Quê làng Đông Trung (nay là xã Vũ Trung huyện Kiến Xương), là con nhà văn thân yêu nước Nguyễn Mậu Kiến, thi Hương đỗ nhất trường. Ông là người có công mở rộng nhà học, mời thầy về dạy dỗ con em trong vùng, cùng cố nhà in sách "Chiêm Bái Đường", khắc in những sách về sử học,

	Thống Nhất và Đồng Tiến			Nhất (nhà ông Vũ Văn Đương, tổ dân phố Thống Nhất)	Nguyên (tổ dân phố Đồng Tiến)	Nguyễn Hữu Bản	văn học, binh pháp, thiên văn... Ông tổ chức bắc cầu, xây công, khai sông tiêu nước và tổ chức di dân mở đất vùng biển. Năm Quý Dậu 1873, ông cùng cha và em mộ quân chống Pháp ngay trên quê hương Trục Định... Thực hiện lời di huấn của cha, ông đã đem hiến ruộng làm binh điền, học điền để nuôi thầy học và mở trường. Pháp đánh Bắc kỳ lần thứ 2 (1883), ông được Tổng đốc Vũ Trọng Bình tiến cử với triều đình đem nghĩa quân giữ đông thành Nam Định. Giặc tấn công thành Nam Định và ông đã hy sinh. Vua Tự Đức đã đánh giá "Nguyễn Hữu Bản là người có lòng hiếu nghĩa nên truy tặng tước Hàn lâm tu soạn để khích lệ đời sau..."
18	Đường trong tổ dân phố Tiên Tuyến và Minh Đức	760	6	Giao cắt quốc lộ 37B (nhà ông Trương Tất Thành - tổ dân phố Tiên Tuyến)	Nhà ông Nguyễn Xuân Đình - tổ dân phố Minh Đức	Phó Nguyễn Kim Lâu	Nguyễn Kim Lâu (tk.XVII): Tổ nghề chạm bạc, quê xã Đường Thâm (nay là các thôn Thượng Gia, Thượng Hòa, xã Hồng Thái, huyện Kiến Xương). Xuất thân thợ hàn xanh, hàn nội đồng ("Bỏ trử đồng oa"). Một lần, lên châu Bảo Long (Tây Bắc), ông học được nghề kim hoàn, trở về làng ông truyền nghề cho dân, lúc đầu mở "xưởng" tại nhà, sau phát triển thành 12 phường thợ, từ làng Đồng Xâm đến các làng Dương Cước, Hữu Bộc, Tả Phụng, Xuân Cước. Thợ bạc Đồng Xâm khéo tay. Hàng bạc Đồng Xâm dáng thanh thoát, chạm chuốt tinh xảo, nét chạm đến từng chi tiết nhỏ như sợi tóc, hạt kê, đường ve nét vuốt chuẩn mực, chi tiết, có độ chênh bang cao... đáp ứng được mọi ý muốn của khách hàng hoặc với giới quý phái, kể cả nhu cầu phục vụ dân dã. Tương truyền phố Hàng Bạc Hà Nội là do thợ chạm bạc Ngũ Xá (Hà Nội) và thợ chạm bạc Đồng Xâm (Thái Bình) tạo nên. Nguyễn Kim Lâu mất, dân Đồng Xâm và các làng có phường bạc lập đền thờ, khắc bia đá ghi công ông. Hàng năm, từ mùng 1 đến hết ngày mùng 3 tháng 4 dân làng mở hội để tưởng nhớ ông. Hội bao giờ cũng có trưng bày vàng bạc.

